

Bản án số: 45/2025/HNGĐ - ST

Ngày 26 - 6 - 2025

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Sinh
2. Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21/4/2025 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn X, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Hoàng Thị S có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Văn X vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn X tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống chị và anh Sánh sống tại C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay chị xác định tình cảm với anh Triệu Văn X đã hết nên không thể

tiếp tục chung sống được nữa. Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Triệu Văn X.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Triệu Thùy R, sinh ngày 09/01/2011. Khi chị và anh Triệu Văn X không còn tiếp tục chung sống nữa thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thùy R và giao cháu Triệu Thanh H cho anh Triệu Văn X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Triệu Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thùy R.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn X sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Triệu Văn X nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung, cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Triệu Văn X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung của chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X ban đầu bình thường. Đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách dẫn đến thường xuyên mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Nay, chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng với anh Triệu Văn X thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Triệu Thùy R, sinh ngày 09/01/2011.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Triệu Văn X nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; cũng không có vay nợ chung gì.

Về hộ khẩu thường trú: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, anh Triệu Văn X đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, khi đi làm ăn xa anh Triệu Văn X không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng nên hiện tại anh Triệu Văn X đang làm công việc gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình anh Triệu Văn X để thông báo cho anh X biết việc chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công

nhận quan hệ vợ chồng với anh X và Tòa án triệu tập anh X đến làm việc, nhưng anh X không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị S:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Thùy R, sinh ngày 09/01/2011 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 28/10/2009 cho anh Triệu Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị S thể hiện quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung; chị Hoàng Thị S cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Triệu Văn X, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn X có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Triệu Văn X có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Hoàng Thị S đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Triệu Văn X. Anh Triệu Văn X đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Mặc dù thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và chính quyền địa phương không rõ anh Triệu Văn X hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Triệu Văn X đã biết được việc chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng với mình, nhưng anh Triệu Văn X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn X đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm giữa chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Chị Hoàng Thị S xác định không còn tình cảm với anh Triệu Văn X nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ

quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X có 02 con chung là cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Triệu Thùy R, sinh ngày 09/01/2011. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thùy R, giao cháu Triệu Thanh H cho anh Triệu Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời không yêu cầu anh Triệu Văn X phải cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thùy R. Trong Biên bản lấy lời khai, cháu Triệu Thanh H có nguyện vọng ở với bố là anh Triệu Văn X, cháu Triệu Thùy R có nguyện vọng ở với mẹ là chị Hoàng Thị S. Do đó, để đảm bảo quyền bình đẳng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và theo nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Thùy R cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thanh H cho anh Triệu Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thùy R, sinh ngày 09/01/2011 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 28/10/2009 cho anh Triệu Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S và anh Triệu Văn X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Hoàng Thị S. Bị đơn anh Triệu Văn X không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị S và bị đơn anh Triệu Văn X được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San